

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 07-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Tuy

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Minh T**, sinh năm: 1988 tại huyện S, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp AA, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh Nh (đã chết) và bà Lê Ngọc U, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ; anh chị em ruột có 02 người lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/3/2007 Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến nay đã xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/2/2020 cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thanh P**, sinh năm: 1996 tại huyện S, tỉnh Bạc Liêu, tên gọi khác: PĐ. Nơi cư trú: Ấp BB, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn TT, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Huỳnh Thị HH, sinh năm: 1951; bị cáo chưa có vợ; anh chị em ruột có 10 người lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2020 cho đến nay, (có mặt).

- Các bị hại:

1. Ông Võ Văn H, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp CC, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Anh Dương Minh Đ, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Ấp DD, xã LDD, huyện S, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Dương Văn L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp DD, xã LDD, huyện S, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có nghề nghiệp ổn định nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày và sử dụng ma túy nên các bị cáo Phan Minh T, Trần Thanh P cùng đi tìm tài sản của người dân để lấy trộm, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 27/11/2019 Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, nơi cư trú Khóm EE, phường LT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream không rõ biển số của H1 chở bị cáo Phan Minh T đi từ thị trấn G theo hướng đê biển Gò Cát – Cống Cái Cùng. Khi đi đến trại tôm – cua giống của ông Lê Văn Đ1, năm sinh 1984, thuộc ấp TĐ, xã LDD, huyện S, tỉnh Bạc Liêu thì dừng xe, bị cáo Phan Minh T đi bộ vào bên trong lấy trộm tài sản, còn Nguyễn Văn H1 ngồi trên xe ở ngoài canh đường. Bị cáo T vào trong trại phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen bạc, biển số 94B1 - 307.98 có chìa khóa gắn trong ổ khóa xe của anh Dương Minh Đ, sinh năm 2001, tại ấp DD, xã LDD, huyện S, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo T tiếp tục đi vào phòng ngủ thì phát hiện 01 cái ví (bóp) nam, bên trong có nhiều giấy tờ và một số tờ tiền Việt Nam nhiều mệnh giá khoảng 5.000 đồng và tờ tiền đô 100 USD bỏ trong túi quần rồi dẫn bộ xe mô tô nêu trên ra ngoài đến vị trí Nguyễn Văn H1 đang chờ sẵn rồi điều khiển xe về Gành Hào, đi được một đoạn đường thì cả hai đổi xe, bị cáo T đưa cái ví cho Nguyễn Văn H1 giữ, khi về đến nhà của bị cáo T ở ấp AA, thị trấn G thì Nguyễn Văn H1 đổi biển số của hai xe rồi H1 điều khiển xe lấy trộm về nhà của H1. Đến sáng cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe Dream đến tìm H1, được H1 chia tiền do bán xe trộm 1.500.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản anh Dương Minh Đ đã trình báo Công an xã LDD.

Đến ngày 16/02/2020, bị cáo Phan Minh T đến Công an huyện S đầu thú và khai nhận hành vi lấy trộm tài sản của anh Dương Minh Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/HĐ ngày 23/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave @, màu đen bạc, số khung RLHHC1253FY355182, số máy HC12E7355157, biển số đăng ký 94B1 – 307.98, còn giá trị đến ngày 27/11/2019 là 9.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10a/HĐ ngày 29/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD đến ngày 27/11/2019 có giá trị là 2.200.000 đồng.

Theo báo cáo ngày 28/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S về việc khảo sát giá tài sản định giá đối với cái ví (bóp) vật dụng dễ bị hư hỏng và không có nhãn hiệu, chủng loại nên Hội đồng không cơ sở định giá tài sản này.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 18/02/2020, bị cáo Trần Thanh P điều khiển xe mô tô loại tay ga màu đen, không rõ loại xe, biển số 61S4 - 4594 chở bị cáo Phan Minh T từ nhà của bị cáo T đến nhà nghỉ Nguyệt Hằng, gần vị trí nhà của ông Võ Văn H, sinh năm 1970, thuộc ấp CC, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu thì dừng xe lại, bị cáo T đi vào trong nhà ông H lấy trộm tài sản, còn bị cáo P ở ngoài canh đường. Bị cáo T đi vào nhà phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10S màu đen đang sạc pin để cạnh bên văng ông H đang nằm ngủ thì bị cáo T lấy cầm trên tay rồi tiếp tục lấy chiếc bật lửa bên cạnh văng thì điện thoại của bị cáo T đổ chuông, ông H nghe và thức dậy thì phát hiện, truy hô và đuổi theo, bị cáo T chạy ra vị trí bị cáo P chờ sẵn rồi lên xe bị cáo P điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, bị cáo T vứt bỏ chiếc bật lửa và ốp lưng điện thoại không rõ đâu, bị cáo P đem điện thoại trộm được cho một người tên Đ2 không rõ nhân thân, lý lịch để trừ số tiền 900.000 đồng mà P đã nợ tên Đ2. Sự việc bị mất trộm tài sản là điện thoại nhãn hiệu Samsung A10S và số tiền 5.100.000 đồng, ông Võ Văn H đã trình báo đến Công an thị trấn G.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/HĐ ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu A10S đã qua sử dụng còn giá trị 2.200.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại màu đỏ, 01 sim số Vinaphone 0943558788, 01 bật lửa màu da bò tất cả đã qua sử dụng chưa đủ cơ sở khảo sát giá do chưa đủ thông tin. Tổng giá trị tất cả các tài sản đã nêu trên đến ngày 18/02/2020 còn giá trị 2.200.000 đồng.

Về phần trách nhiệm dân sự: Do các tài sản không thu hồi được nên các bị hại yêu cầu các bị cáo Phan Minh T và Trần Thanh P phải bồi thường, cụ thể: Dương Minh Đ yêu cầu trị giá xe mô tô là 15.000.000 đồng, số tiền 100 USD trị giá 2.200.000 đồng và số tiền Việt Nam 5000 đồng; Võ Văn H yêu cầu giá trị điện thoại là 3.600.000 đồng và số tiền 5.100.000 đồng.

Tại cáo trạng số 27/CT-VKS-KSĐT, ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải truy tố các bị cáo Phan Minh T, Trần Thanh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phan Minh T, Trần Thanh P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Minh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thanh P từ bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2020 là 3 tháng 12 ngày đến 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Phan Minh T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại anh Dương Minh Đ; bị cáo Trần Thanh P đồng ý tự nguyện bồi thường cho ông Võ Văn H theo kết luận định giá số tiền 2.200.000 đồng, không yêu cầu bị cáo Phan Minh T liên đới chịu $\frac{1}{2}$ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

+ Buộc bị cáo Phan Minh T bồi thường cho anh Dương Minh Đ số tiền 17.205.000 đồng.

+ Ông Võ Văn H nhận số tiền 2.200.000 đồng bị cáo Trần Thanh P khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

- Về vật chứng: Các đồ vật của bị cáo xét thấy giá trị không lớn, không còn giá trị, bị cáo không nhận lại nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy: 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, Model RM-1190, IMEI 1: 357693101471317, IMEI 2: 357693101971316; 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 09750 70798 và 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 08722 07063; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh lam đã qua sử dụng, bên trong phía dưới cổ áo có nhiều dòng chữ, trong đó dòng chữ trên cùng là “TOP HOUSE DENIM”, dòng chữ dưới cùng là “X-LARGE”; 01 đôi dép bằng nhựa màu xanh lơ đã qua sử dụng, trên quai dép có 03 sọc ngang màu trắng, bên trên có dòng chữ “DUWA”, phía dưới đế dép ghi kích cỡ 39.

- Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Trần Thanh P phải chịu, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bị cáo Phan Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại ông Võ Văn H tại phiên tòa, xét thấy ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có lời khai nên xét thấy việc vắng mặt của ông H không cản trở cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và kết luận định giá nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do không có nghề nghiệp ổn định nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày và sử dụng ma túy nên các bị cáo Phan Minh T và Trần Thanh P cùng đi tìm tài sản của người dân để lấy trộm, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 27/11/2019 bị can Phan Minh T và Nguyễn Văn H1 lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave @, màu đen bạc, biển số đăng ký 94B1 – 307.98 , số khung RLHHC1253FY355182, số máy HC12E7355157; 01 cái ví (bóp) bên trong có số tiền Việt Nam nhiều mệnh giá tổng cộng 5000 đồng, 01 tờ tiền 100USD của Dương Minh Đ ở ấp TĐ, xã LĐĐ, huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/HĐ ngày 23/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave @, màu đen bạc, số khung RLHHC1253FY355182, số máy HC12E7355157, biển số đăng ký 94B1 – 307.98, còn giá trị đến ngày 27/11/2019 là 9.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10a/HĐ ngày 29/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 USD đến ngày 27/11/2019 có giá trị là 2.200.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 11.505.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 18/02/2020 bị cáo Phan Minh T cùng bị cáo Trần Thanh P lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu A10S, 01 ốp lưng điện thoại màu đỏ, 01 sim số Vinaphone 0943558788 và 01 bật lửa màu da bò của ông Võ Văn H ở ấp CC, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/HĐ ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu A10S đã qua sử dụng còn giá trị 2.200.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại màu đỏ, 01 sim số Vinaphone 0943558788, 01 bật lửa màu da

bồ tát cả đã qua sử dụng chưa đủ cơ sở khảo sát giá do chưa đủ thông tin. Tổng giá trị tất cả các tài sản đã nêu trên đến ngày 18/02/2020 còn giá trị 2.200.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Phan Minh T chiếm đoạt trong 02 vụ phải chịu trách nhiệm hình sự là 13.705.000 đồng; còn bị cáo Trần Thanh P thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.200.000 đồng là đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Xuất phát từ việc bị cáo lừa lao động, nên khi phát hiện tài sản và sự sơ hở của chủ sở hữu nên các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất an ninh tại địa phương, bất bình trong nhân dân, vì vậy vụ án cần phải được xét xử tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Trong vụ án cần phân tích đánh giá hành vi của từng bị cáo. Trên cơ sở xem xét đề xuất của Kiểm sát viên để cân nhắc và áp dụng hình phạt đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cụ thể:

[3.1] Đối với bị cáo Phan Minh T bị cáo là người bần bạc, rủ rê lôi kéo nên xét tính nguy hiểm của bị cáo T là cao hơn bị cáo P.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.2] Đối với Bị cáo Trần Thanh P có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công cách mạng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với số tiền 5.100.000 đồng, bị hại ông Võ Văn H khai nhận bị mất trộm, quá trình điều tra bị cáo Phan Minh T và bị cáo Trần Thanh P không thừa nhận lấy trộm số tiền này. Ngoài lời khai của ông H thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo T và bị cáo P lấy trộm số tiền nêu trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối bị cáo T và bị cáo P về số tiền này là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của bị hại ông Võ Văn H yêu cầu bị cáo Phan Minh T và bị cáo Trần Thanh P bồi thường giá trị điện thoại số tiền 3.600.000 đồng. Xét thấy: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/HĐ ngày 25/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện S, kết luận: 01

điện thoại di động nhãn hiệu A10S đã qua sử dụng còn giá trị 2.200.000 đồng, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bị cáo T và bị cáo P bồi thường giá trị điện thoại số tiền 3.600.000 đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Dương Minh Đ yêu cầu trị giá xe mô tô là 15.000.000 đồng, số tiền 100USD trị giá 2.200.000 đồng và số tiền Việt Nam 5000 đồng; ông Võ Văn H yêu cầu giá trị điện thoại là 3.600.000 đồng và số tiền 5.100.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Phan Minh T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại anh Dương Minh Đ 17.205.000 đồng nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của bị cáo T; bị cáo Trần Thanh P đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.200.000 đồng cho bị hại ông Võ Văn H theo biên lai thu tiền số 004196 ngày 06/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả 2.200.000 đồng cho ông Võ Văn H, không yêu cầu bị cáo Phan Minh T liên đới bồi thường cho bị hại. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của bị cáo P nên được ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy những tài sản là của bị cáo Trần Minh T có giá trị không lớn, bị cáo không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, Model RM-1190, IMEI 1: 357693101471317, IMEI 2: 357693101971316; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh lam đã qua sử dụng, bên trong phía dưới cổ áo có nhiều dòng chữ, trong đó dòng chữ trên cùng là “TOP HOUSE DENIM”, dòng chữ dưới cùng là “X-LARGE”; 01 đôi dép bằng nhựa màu xanh lơ đã qua sử dụng, trên quai dép có 03 sọc ngang màu trắng, bên trên có dòng chữ “DUWA”, phía dưới đế dép ghi kích cỡ 39; 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 09750 70798; 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 08722 0706301.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Ngày 22/11/2019, bị cáo Phan Minh T cùng người tên LL không rõ nhân thân, lý lịch đã lấy trộm số tiền 1.580.000 đồng của ông Võ Như TT, sinh năm 1970 ở ấp FF, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 24/3/2020 bị cáo Trần Thanh P cùng với tên Đ2 không rõ nhân thân, lý lịch đã lấy trộm 01 con gà trống của ông Trần Minh L1, sinh năm 1976 ở ấp GC, xã ĐH, huyện S, tỉnh Bạc Liêu đã được định giá là 240.000 đồng và ngày 18/02/2020 bị cáo Phan Minh T đã lấy trộm số tiền 1.640.000 đồng của anh Phan Văn NN, sinh năm 2001 ở ấp CC, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy 03 vụ trộm này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, các đối tượng không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra đề nghị Công an huyện S ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[10] Đối với người tên LL, Đ2, quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể, không xác định được nhân thân, lý lịch nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Thanh P còn khai nhận đã cùng với tên Liêu Văn T1, năm sinh 2002, ngụ ấp BB, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại ấp BB, thị trấn G, huyện S, tỉnh Bạc Liêu (không rõ thời gian xảy ra cụ thể). Tuy nhiên, qua rà soát Công an thị trấn G, huyện S không có tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm có liên quan đến 02 vụ việc trên nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[11] Đối với đối tượng Nguyễn Văn H1 không thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội cùng Phan Minh T, hiện nay H1 không có địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S tiếp tục xác minh, làm rõ hành vi vi phạm để xử lý sau theo quy định pháp luật là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và buộc bị cáo Phan Minh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Minh T và Trần Thanh P (tên gọi khác: PĐ) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2020.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Phan Minh T bồi thường cho anh Dương Minh Đ số tiền 17.205.000 (Mười bảy triệu hai trăm lẻ năm nghìn) đồng.

- Bị cáo Trần Thanh P đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004196 ngày 06/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bạc Liêu (do bà Trần Thị L1 nộp thay cho bị cáo P). Ông Võ Văn H được nhận số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, Model RM-1190, IMEI 1: 357693101471317, IMEI 2: 357693101971316; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu xanh lam đã qua sử dụng, bên trong phía dưới cổ áo có nhiều dòng chữ, trong đó dòng chữ trên cùng là “TOP HOUSE DENIM”, dòng chữ dưới cùng là “X-LARGE”; 01 đôi dép bằng nhựa màu xanh lơ đã qua sử dụng, trên quai dép có 03 sọc ngang màu trắng, bên trên có dòng chữ “DUWA”, phía dưới đế dép ghi kích cỡ 39; 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 09750 70798 và 01 sim Vinaphone số seri 89840 20001 08722 07063.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bạc Liêu đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Phan Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch số tiền 860.250 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

- Buộc bị cáo Trần Thanh P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Bạc Liêu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện S;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Cơ quan điều tra Công an huyện S;
- Thị hành án HS Công an huyện S;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ni